

Bản án số: **25/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 18-6-2020
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Nhớ

2. Ông Đỗ Xuân Phi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Hồ Quốc Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 570/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 570/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/5/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Bảo Q**, sinh năm 1999; Địa chỉ: Số 154 đường C, tổ 04 phường A, quận L, thành phố Đà Nẵng. *(Có mặt)*

- *Bị đơn:* Ông **Cần Mạnh T**, sinh năm: 1996; Địa chỉ: K16/H22/11 đường T1, tổ 07 phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn - bà Lê Thị Bảo Q trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Cần Mạnh T kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Từ khi kết hôn

đến nay, ông bà không sống chung với nhau mà mỗi người mỗi nơi, phần ai nấy sống, không quan tâm đến nhau. Nay bà Q xác định không còn yêu thương ông T, hôn nhân thực tế không tồn tại nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà Lê Thị Bảo Q xác định bà và ông Cần Mạnh T có một người con chung là Cần Lê Bảo N, sinh ngày 01/01/2019. Ly hôn, bà Q có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Bảo Q xác định bà và ông Cần Mạnh T không có tài sản chung, không có nợ chung.

***Về phía bị đơn – ông Cần Mạnh T:** Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông Cần Mạnh T vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu:**

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh, thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn, giao con chung là Cần Lê Bảo N cho bà Lê Thị Bảo Q trực tiếp nuôi dưỡng; ông Cần Mạnh T không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung do nguyên đơn xác định không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

***Về tố tụng:**

[1] Nguyên đơn bà Lê Thị Bảo Q khởi kiện về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi dưỡng con chung” đối với bị đơn là ông Cần Mạnh T có địa chỉ cư trú tại K16/H22/11 đường T1, tổ 07 phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai đối với bị đơn ông Cần Mạnh T nhưng ông T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

***Về nội dung vụ án:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Bảo Q và ông Cần Mạnh T đã tuân thủ đầy đủ các quy định về kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nay bà Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân thực tế không tồn tại nên yêu cầu ly hôn với ông Thắng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Mục đích hôn nhân chỉ có thể đạt được khi cả vợ và chồng cùng có ý thức và trách nhiệm trong việc xây dựng gia đình hạnh phúc. Theo kết quả xác minh tại địa phương thể hiện kể từ khi kết hôn đến nay, ông bà không sống chung. Đồng thời, trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức hòa giải tạo điều kiện để vợ chồng ông bà trở về đoàn tụ, nhưng ông Cần Mạnh T đều vắng mặt, điều này chứng tỏ ông T không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Do đó, nguyện vọng xin được ly hôn của bà Lê Thị Bảo Q là chính đáng và có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Thị Bảo Q xác định bà và ông Cần Mạnh T có một con chung là Cần Lê Bảo N, sinh ngày 01/01/2019. Ly hôn, bà Q có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào điều kiện kinh tế của mỗi bên cũng như xem xét tới quyền lợi mọi mặt của đứa trẻ. Hiện nay, con chung hiện nay đang được bà Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời, con chung của ông bà là con gái và còn rất nhỏ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của cháu, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà Lê Thị Bảo Q không yêu cầu ông Cần Mạnh T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Bảo Q xác định không có nên không xem xét.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc xem xét cho bà Q được ly hôn với ông T, về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung phù hợp như nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Bảo Q ly hôn với ông Cần Mạnh T.
2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Cần Lê Bảo N, sinh ngày 01/01/2019 cho bà Lê Thị Bảo Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Cần Mạnh T không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Bảo Q xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét đến.

4. Án phí HNGĐ-ST: 300.000đ bà Lê Thị Bảo Q phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001541 ngày 09/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà Q đã nộp đủ án phí HNGĐ sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Bảo Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Cần Mạnh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- UBND phường G;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Hậu